**Chi tiết thủ tục hành chính**

**Mã thủ tục:** 2.002226

**Số quyết định:** 1831/QĐ-BKHĐT

**Tên thủ tục:** Thông báo thành lập tổ hợp tác

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ trưởng tổ hợp tác hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác gửi thông báo thành lập tổ hợp tác đến Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi tổ hợp tác dự định thành lập.

Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ thông báo thành lập tổ hợp tác.

Bước 3: Xử lý hồ sơ

Sau khi tiếp nhận hồ sơ thông báo thành lập tổ hợp tác, Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật vào Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác các thông tin có liên quan.

**Cách thức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức nộp** | **Thời hạn giải quyết** | **Phí, lệ phí** | **Mô tả** |
| Trực tiếp | Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ.  | Lệ phí : (Không có) | Trực tiếp. |

**Thành phần hồ sơ:**

**- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| (1) Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác; | Mau I.01 NĐ 77.docx | Bản chính: 0Bản sao: 0 |
| (2) Hợp đồng hợp tác; | Mau I .02 NĐ 77.docx | Bản chính: 0Bản sao: 0 |
| (3) Văn bản ủy quyền của một trăm phần trăm (100 %) tổng số thành viên tổ hợp tác. |  | Bản chính: 0Bản sao: 0 |

**- Trường hợp tổ trưởng tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| 1) Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác; | Mau I.01 NĐ 77.docx | Bản chính: 1Bản sao: 0 |
| (2) Hợp đồng hợp tác; | Mau I .02 NĐ 77.docx | Bản chính: 1Bản sao: 0 |
| (3) Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng. |  | Bản chính: 1Bản sao: 0 |

**Đối tượng thực hiện:** Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

**Cơ quan có thẩm quyền:** Không có thông tin

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** trụ sở cơ quan

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã ghi nhận thành lập tổ hợp tác vào sổ theo dõi

**Căn cứ pháp lý:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số ký hiệu** | **Trích yếu** | **Ngày ban hành** | **Cơ quan ban hành** |
| 91/2015/QH13  | Bộ Luật dân sự | 24-11-2015 | Quốc Hội |
| 77/2019/NĐ-CP | Về tổ hợp tác | 10-10-2019 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** - Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có điều kiện; - Tên của tổ hợp tác được đặt theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 77/2019/NĐ-CP: “1. Tổ hợp tác có quyền chọn tên, biểu tượng của mình phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này và không trùng lặp với tên, biểu tượng của tổ hợp tác khác trong địa bàn cấp xã. 2. Tên của tổ hợp tác chỉ bao gồm hai thành tố sau đây: a) Loại hình “Tổ hợp tác”; b) Tên riêng của tổ hợp tác. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho tổ hợp tác. Không được sử dụng các cụm từ gây nhầm lẫn với các loại hình tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam để đặt tên tổ hợp tác.” - Hồ sơ thông báo thành lập có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

**Từ khóa:** Thành lập tổ hợp tác

**Mô tả:** Không có thông tin